

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-12-2025

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Rõn.

Ông Phạm Văn Ven.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đông Sang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 210/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H - Sinh năm 1990 - Địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng T - Sinh năm 1985 - Địa chỉ ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-4-2025, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng T cưới nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2021, ngày 22-02-2021. Bà và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau trong mọi mặt cuộc sống, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc gia đình. Mặc dù, bà và ông T đã cho nhau cơ

hội hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Bà và ông T hiện đã ly thân từ tháng 10-2024 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hoàng T.

Về nuôi con chung: Bà và ông Nguyễn Hoàng T không có con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hoàng T Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông T được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Hoàng T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 22-02-2021 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (hiện nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh). Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận định: bà H cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân với bà H. Vì vậy, qua lời trình bày của bà H nhận thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Hoàng T không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[7.1] Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

[7.2] Ông T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.
2. Về nuôi con chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Hoàng T không có con chung.
3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0009336 ngày 24-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh). Bà H đã nộp đủ án phí.
5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.
6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 2 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Gái